VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen

Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 28 tháng 11 năm 2008 và Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen như sau:[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về: hoạt động mạng lưới quỹ gen; quản lý nhiệm vụ quỹ gen; trình tự xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá nghiệm thu, xử lý và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen.

---

[1] Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen"

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen (sau đây gọi là nhiệm vụ quỹ gen) bao gồm nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[2], nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh và không bao gồm nhiệm vụ quỹ gen cấp cơ sở.

3. Nhiệm vụ quỹ gen gồm 3 loại: nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen; nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen; nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam liên quan đến hoạt động mạng lưới quỹ gen, quản lý và thực hiện nhiệm vụ quỹ gen có sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nguồn gen* là các loài sinh vật, các mẫu vật di truyền trong khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và trong tự nhiên.

2. *Quỹ gen* là tập hợp các nguồn gen từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm nguồn gen cây trồng, nguồn gen vật nuôi, nguồn gen người, nguồn gen vi sinh vật và các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu có giá trị sử dụng trong các lĩnh vực kinh tế, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

3. *Mạng lưới quỹ gen* là mạng lưới liên kết hoạt động của các tổ chức chủ trì thực hiện và lưu giữ kết quả nhiệm vụ quỹ gen trên phạm vi cả nước đã được hình thành ở các Bộ, ngành trong quá trình thực hiện Quyết định số 2177/1997/QĐ-BKHCNMT ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và các tổ chức chủ trì nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo Thông tư này.

4.[3] *Nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen* là đề tài, dự án khoa học và công nghệ thực hiện các hoạt động nghiên cứu, thu thập, bảo tồn, đánh giá các chỉ tiêu sinh học và tư liệu hóa nguồn gen.

5.[4] *Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen* là đề tài, dự án khoa học và công nghệ thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng để khai thác và phát triển nguồn gen đã được bảo tồn phục vụ cho mục đích kinh tế, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

---

[2] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

6.[5] *Nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen* là đề tài, dự án khoa học và công nghệ thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật di truyền giống, di truyền phân tử, thống kê sinh học, tin sinh học,... để đánh giá di truyền phục vụ cho việc sàng lọc nguồn gen và lập bản đồ gen một số nguồn gen có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong nông nghiệp, công nghiệp, y tế, an ninh, quốc phòng.

7.[6] *Nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

Nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

8.[7] *Nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

Nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

Điều 4. Đối tượng của nhiệm vụ quỹ gen

1. Đối tượng của nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen

a) Các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu của Việt Nam đang bị suy giảm hoặc có nguy cơ mất đi;

b) Các nguồn gen có giá trị kinh tế - xã hội, y học, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường đã được đánh giá các chỉ tiêu sinh học;

c) Các nguồn gen cần cho công tác tạo giống, lai tạo giống, nghiên cứu khoa học và đào tạo;

d) Các nguồn gen có nguồn gốc từ nước ngoài đã thích nghi, phát triển ổn định ở điều kiện Việt Nam và có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất.

2. Đối tượng của nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen

Các nguồn gen đang được bảo tồn và đã được đánh giá có giá trị kinh tế cao, có thể tạo ra sản phẩm thương mại, có thị trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

3. Đối tượng của nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen

Một số nguồn gen cây trồng, nguồn gen vật nuôi chủ lực; một số nguồn gen người, nguồn gen vi sinh vật, nguồn gen ký sinh trùng, vi rút có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nông nghiệp, công nghiệp, y tế, an ninh, quốc phòng.

Điều 5. Nội dung của nhiệm vụ quỹ gen

1. Nội dung của nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen

a) Lưu giữ, bảo quản các nguồn gen quý, hiếm hiện có;

b) Điều tra, khảo sát và thu thập bổ sung nguồn gen;

c) Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phục tráng các nguồn gen cây trồng, thuần chủng các nguồn gen vật nuôi, chuẩn hóa các chủng vi sinh, nấm, tảo;

d) Nghiên cứu xây dựng, phát triển các khu vực nuôi trồng chuyên canh các loài cây, con quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng hoặc quan trọng phục vụ kinh tế - xã hội, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường;

đ) Đánh giá sơ bộ, đánh giá chi tiết nguồn gen theo các chỉ tiêu sinh học phù hợp với từng đối tượng;

e) Tư liệu hóa nguồn gen dưới các hình thức: phiếu điều tra, phiếu mô tả, phiếu đánh giá, tiêu bản, hình vẽ, bản đồ phân bố, ảnh, ấn phẩm thông tin, cơ sở dữ liệu (dưới dạng văn bản hoặc số hóa);

g) Bảo tồn an toàn nguồn gen theo đặc điểm sinh học của từng đối tượng (bảo tồn tại chỗ, bảo tồn chuyển chỗ) và đánh giá kết quả bảo tồn;

h) Giới thiệu, cung cấp, trao đổi nguồn gen và các thông tin liên quan cho tổ chức, cá nhân trong nước và đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung của nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen

a) Kiểm tra các nguồn gen quý, đánh giá khả năng phát triển và ứng dụng để định hướng mục tiêu khai thác;

b) Xây dựng nguồn vật liệu di truyền: vườn cây đầu dòng, vườn giống (đối với nguồn gen thực vật); đàn hạt nhân, cụ kỵ, ông bà, bố mẹ (đối với nguồn gen động vật); chủng gốc (đối với nguồn gen vi sinh vật, nấm, tảo);

c) Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (nuôi cấy mô, sản xuất giống, nhân giống,...) để phát triển nguồn vật liệu di truyền và nhân rộng nguồn gen;

d) Nghiên cứu quy trình công nghệ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế (thực phẩm, sinh phẩm, dược phẩm,...) từ nguồn gen;

đ) Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen;

e) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm và nguồn gen bản địa.

3. Nội dung của nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen

a) Nghiên cứu đánh giá tiềm năng di truyền;

b) Nghiên cứu cấu trúc và chức năng của gen, giải trình tự gen;

c) Lập bản đồ gen.

Chương II
HOẠT ĐỘNG MẠNG LƯỚI QUỸ GEN

Điều 6. Mạng lưới quỹ gen

1. Các tổ chức chủ trì thực hiện và lưu giữ kết quả nhiệm vụ quỹ gen trong quá trình thực hiện Quyết định số 2177/1997/QĐ-BKHCNMT ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và các tổ chức chủ trì nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo Thông tư này trên phạm vi cả nước được liên kết với nhau tạo thành mạng lưới quỹ gen.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất nội dung hoạt động của mạng lưới quỹ gen nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát triển nguồn gen.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ, ngành chủ quản tổ chức rà soát lại điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực của các tổ chức đang chủ trì nhiệm vụ quỹ gen. Trường hợp tổ chức chủ trì không đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hoặc đề nghị Bộ, ngành chủ quản đình chỉ việc thực hiện hoặc chuyển giao nhiệm vụ cho tổ chức khác.

Điều 7. Thành viên mạng lưới quỹ gen

1. Thành viên mạng lưới quỹ gen là các tổ chức chủ trì thực hiện và lưu giữ kết quả nhiệm vụ quỹ gen có sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi cả nước.

2. Các tổ chức có đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật và nguồn nhân lực để thực hiện và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen chưa được giao chủ trì nhiệm vụ quỹ gen đều được đăng ký để trở thành thành viên mạng lưới.

Hồ sơ thành viên mạng lưới quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đơn đăng ký thành viên mạng lưới quỹ gen (được cơ quan chủ quản chấp thuận);

b) Bản khai năng lực của tổ chức;

c) Bản sao Quyết định thành lập.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ và ra quyết định công nhận danh sách thành viên mạng lưới quỹ gen. Danh sách thành viên mạng lưới quỹ gen được Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của thành viên mạng lưới quỹ gen

1. Thành viên mạng lưới quỹ gen có các quyền sau đây:

a) Đăng ký tham gia chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen;

b) Điều tra, thu thập nguồn gen là đối tượng của nhiệm vụ quỹ gen được giao thực hiện;

c) Trao đổi, chuyển giao, cung cấp kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

d) Hưởng lợi ích do tổ chức, cá nhân khác tiếp cận nguồn gen chia sẻ theo quy định tại Điều 58 và Điều 61 của Luật Đa dạng sinh học.

2. Thành viên mạng lưới quỹ gen có trách nhiệm sau đây:

a) Báo cáo với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan quản lý nhà nước khác có thẩm quyền về hoạt động trao đổi, chuyển giao, cung cấp nguồn gen cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng với mục đích nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm thương mại;

b) Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân khác được cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 59 của Luật Đa dạng sinh học;

c) Kiểm soát việc điều tra, thu thập nguồn gen của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen trong phạm vi quản lý;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan quản lý nhà nước khác có thẩm quyền về việc lưu giữ, sử dụng các kết quả nhiệm vụ quỹ gen.

Điều 9. Nội dung hoạt động mạng lưới quỹ gen

Theo chỉ đạo của Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen, mạng lưới quỹ gen thực hiện các hoạt động sau đây:

- Xây dựng kế hoạch 5 năm và định hướng chiến lược về bảo tồn và phát triển nguồn gen cho giai đoạn 10-20 năm;

- Đề xuất và xây dựng thuyết minh nhiệm vụ quỹ gen;

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quỹ gen, đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện;

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện, báo cáo kết quả, đánh giá nghiệm thu, xử lý và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, website về quỹ gen;

- Tổ chức tham gia hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả 5 năm, 10 năm thực hiện nhiệm vụ quỹ gen và kiến nghị các cơ chế, chính sách và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quỹ gen;

- Đề xuất khen thưởng đối với các thành viên của mạng lưới có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện và xử lý các thành viên vi phạm các quy định của Thông tư này.

Chương III
QUẢN LÝ NHIỆM VỤ QUỸ GEN

Điều 10. Quản lý nhiệm vụ quỹ gen

1. Nhiệm vụ quỹ gen được quản lý theo quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia[8] và theo quy định của Thông tư này.

2.[9] Thẩm quyền quản lý được quy định như sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia và theo dõi việc quản lý các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ quỹ gen trên phạm vi cả nước; phối hợp với đơn vị cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia.

b) Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

Đơn vị quản lý khoa học và công nghệ các Bộ, ngành, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương.

3. Trách nhiệm phối hợp quản lý:

a) Cơ quan chủ quản (Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh) có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý các nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[10] do tổ chức chủ trì thực hiện thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quản lý các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

4. Biện pháp và nội dung phối hợp quản lý:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm mời đại diện cơ quan chủ quản tham dự các cuộc họp hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ,

---

[8] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[10] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

hội đồng xét chọn, tuyển chọn, hội đồng đánh giá nghiệm thu và tham gia thành viên tổ thẩm định kinh phí, thành viên đoàn kiểm tra các nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[11].

b) Cơ quan chủ quản (Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh) có trách nhiệm mời đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ tham dự các cuộc họp hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng xét chọn, tuyển chọn, hội đồng đánh giá nghiệm thu và tham gia thành viên tổ thẩm định kinh phí, thành viên đoàn kiểm tra các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì và Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng định hướng chiến lược về bảo tồn và phát triển nguồn gen cho giai đoạn 10 - 20 năm và kế hoạch hoạt động chung của mạng lưới; xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện; xây dựng cơ sở dữ liệu, website chung cho mạng lưới quỹ gen; tổ chức hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả 5 năm, 10 năm thực hiện nhiệm vụ quỹ gen; xét duyệt thi đua khen thưởng.

Điều 11. Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen

1. Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen (sau đây gọi là Ban điều hành) do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có trách nhiệm tư vấn cho Bộ trưởng xây dựng định hướng bảo tồn, phát triển nguồn gen; tổ chức thực hiện, hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen.

2. Thành phần Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen: Trưởng ban là lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Phó ban là đại diện lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế, thành viên gồm đại diện một số Bộ, ngành có liên quan đến nguồn gen và một số nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực nguồn gen. Giúp việc cho Ban điều hành có Tổ thư ký.

3. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban điều hành do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định thành lập.

Điều 12. Nội dung hoạt động của Ban điều hành

- Chỉ đạo việc xây dựng định hướng chiến lược về bảo tồn và phát triển nguồn gen cho giai đoạn 10 - 20 năm của mạng lưới quỹ gen làm căn cứ để xây dựng và lựa chọn các nhiệm vụ quỹ gen cho kế hoạch 5 năm và hàng năm;

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch hoạt động chung của mạng lưới;

- Giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp quốc gia[12] trong giai đoạn 5 năm và tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về đề án khung các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh;

---

[11] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[12] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

- Chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá nghiệm thu, tổng kết các nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[13], đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện;

- Hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu, website chung cho mạng lưới quỹ gen;

- Tổ chức hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả 5 năm, 10 năm thực hiện nhiệm vụ quỹ gen và kiến nghị các cơ chế, chính sách và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quỹ gen;

- Đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các thành viên của mạng lưới có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện và xử lý các thành viên vi phạm các quy định của Thông tư này.

Chương IV
TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU, XỬ LÝ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ NHIỆM VỤ QUỸ GEN

Điều 13. Xây dựng nhiệm vụ quỹ gen

1. Đối với nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen:

a) Căn cứ vào định hướng và nhu cầu về bảo tồn nguồn gen, các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh có liên quan đến quỹ gen xây dựng đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh và đề xuất danh mục các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen đề nghị thực hiện ở cấp quốc gia[14] cho kế hoạch 5 năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ. Ban Điều hành nhiệm vụ quỹ gen tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh;

b) Nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp quốc gia[15]:

Trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh, Ban Điều hành nhiệm vụ quỹ gen có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp quốc gia[16] trong giai đoạn 5 năm để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ cấp quốc gia[17] tư vấn xác định nhiệm vụ.

---

[13] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[14] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[15] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[16] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[17] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

c) Nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh:

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh phê duyệt đề án khung và danh mục các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen dự kiến thực hiện ở cấp bộ, cấp tỉnh để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen:

a)[18] Hàng năm, các tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới quỹ gen đề xuất nhiệm vụ khai thác phát triển nguồn gen gửi về Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen.

Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng danh mục đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp quốc gia gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ và xây dựng danh mục đặt hàng các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh.

b) Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp quốc gia[19]:

Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp quốc gia[20] để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ cấp quốc gia[21] tư vấn xác định nhiệm vụ. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp quốc gia[22] để đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

c) Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh:

Thủ trưởng Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức xác định nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định hiện hành về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Danh mục các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh phải được thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

---

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[19] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[20] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[21] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[22] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

3. Đối với nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen:

a) Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ, ngành, địa phương xác định đối tượng nguồn gen cần đánh giá di truyền để giao nhiệm vụ đánh giá di truyền thực hiện ở cấp quốc gia[23], cấp bộ, cấp tỉnh;

b) Nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp quốc gia[24]:

Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp quốc gia[25] để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ cấp quốc gia[26] tư vấn xác định nhiệm vụ. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ đánh giá di truyền cấp quốc gia[27] để đưa ra tuyển chọn, xét chọn;

c) Nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh:

Thủ trưởng Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức xác định nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định hiện hành về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Danh mục các nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh phải được thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

4. Danh mục nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[28] có thể được bổ sung khi có nhu cầu đột xuất do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 14. Tổ chức tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ quỹ gen

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện việc tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[29]. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

---

[23] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[24] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[25] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[26] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[27] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[28] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[29] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

2. Việc tổ chức tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen tuân theo quy định hiện hành về tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia[30].

3. Các tài liệu của Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Các tài liệu phục vụ cho việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Tổ chức triển khai nhiệm vụ quỹ gen

1. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[31], Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả tuyển chọn, xét chọn, tổ chức thẩm định kinh phí và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[32].

2. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quyết định công nhận kết quả tuyển chọn, xét chọn, tổ chức thẩm định kinh phí và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

3. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Báo cáo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quỹ gen

1. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổ chức chủ trì báo cáo tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[33] cho Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh cho Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

---

[30] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[31] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[32] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[33] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

2. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[34]. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

3. Hàng năm, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổng hợp tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh và lập báo cáo gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ. Báo cáo được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với Bộ Tài chính tiến hành kiểm tra hoặc phối hợp với Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh kiểm tra tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[35], cấp bộ, cấp tỉnh. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện những trường hợp sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ quy định sẽ xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 17. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện quỹ gen cấp quốc gia[36]. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

2. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định hiện hành về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia[37]. Tài liệu đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp đánh giá nghiệm thu có những nội dung không đạt yêu cầu do nguyên nhân khách quan, ngoài việc xử lý theo quy định hiện hành, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp tục lưu giữ kết quả và lập báo cáo gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ quỹ gen và Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, xử lý.

---

[34] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[35] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[36] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[37] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Điều 18. Thanh lý hợp đồng, xử lý và sử dụng kết quả nhiệm vụ quỹ gen

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[38]. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

2. Việc tổ chức thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Xử lý kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ quỹ gen

a) Nguồn gen và cơ sở dữ liệu của nhiệm vụ quỹ gen được lưu giữ tại tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen để phục vụ cho các nhiệm vụ kế tiếp và sử dụng theo quy định;

b) Các sản phẩm thương mại tạo ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được xử lý theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Các tổ chức chủ trì có trách nhiệm cung cấp thông tin và cơ sở dữ liệu về nguồn gen của nhiệm vụ quỹ gen cho cơ quan quản lý nhiệm vụ quỹ gen, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Việc sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đa dạng sinh học và các luật khác có liên quan.

Chương V
TÀI CHÍNH NHIỆM VỤ QUỸ GEN

Điều 19. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen quy định tại Điều 1 của Thông tư này được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ:

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh được cân đối và phân bổ về các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia[39] được cân đối và phân bổ về Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kinh phí cho hoạt động điều hành và quản lý nhiệm vụ quỹ gen được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm và được giao dự toán về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

3. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định hiện hành.

---

[38] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

[39] Cụm từ "Cấp nhà nước" được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[40]

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 2177/1997/QĐ-BKHCNMT ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Quy chế quản lý và bảo tồn nguồn gen thực vật, động vật và vi sinh vật.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này để quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 17/VBHN-BKHCN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2015

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Khánh

---

[40] Điều 2 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 quy định như sau:

*"**Điều 2. Tổ chức thực hiện***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét giải quyết./."

PHỤ LỤC 1
MẪU HỒ SƠ THÀNH VIÊN MẠNG LƯỚI QUỸ GEN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Đơn đăng ký thành viên mạng lưới quỹ gen: Biểu A1-ĐKTV-NVQG.

2. Mẫu Bản khai năng lực của tổ chức: Biểu A2-NLTC-NVQG.

Biểu A1-ĐKTV-NVQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN MẠNG LƯỚI QUỸ GIEN
Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên tổ chức đăng ký:

Tên đầy đủ và tên viết tắt *(nếu có)* bằng tiếng Việt:

Tên đầy đủ và tên viết tắt *(nếu có)* bằng tiếng nước ngoài:

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Website:

3. Tên cơ quan chủ quản *(Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương):*

4. Thủ trưởng tổ chức đăng ký:

Họ và tên: Nam/nữ:

Chức vụ: Chức danh khoa học *(nếu có)*:

Điện thoại: Mobile: Email:

5. Hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký thành viên mạng lưới quỹ gen theo Biểu A1-ĐKTV-NVQG;
- Bản khai năng lực của tổ chức theo Biểu A2-NLTC-NVQG;
- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Đăng ký hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp *(nếu tổ chức là doanh nghiệp)*.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ đăng ký.

....., ngày... tháng... năm 20...
Thủ trưởng tổ chức đăng ký
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ý kiến chấp thuận
của Cơ quan chủ quản
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Biểu A2-NLTC-NVQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC

Tên đầy đủ của tổ chức:

I. Về nhân lực:

1. Cán bộ khoa học: *(Chỉ kê khai cán bộ khoa học từ đại học trở lên có liên quan đến lĩnh vực quỹ gen)*

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Ghi chú
1						
2						
...						

2. Cán bộ kỹ thuật, lao động phổ thông: *(Chỉ khai số lượng cán bộ kỹ thuật và lao động phổ thông có liên quan đến lĩnh vực quỹ gen)*

TT	Tên đơn vị/Bộ phận quản lý	Số lượng		Ghi chú
		Kỹ thuật viên	Lao động phổ thông	
1				
2				
...				

II. Về cơ sở vật chất - kỹ thuật: *(Chỉ kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực quỹ gen)*

Số TT	Loại cơ sở vật chất - kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Năm bắt đầu sử dụng/ hoặc giá trị còn lại	Ghi chú
I	Nhà xưởng, kho, chuồng trại, nhà bè, phòng thí nghiệm...		m^2		
1					
...					
II	Ruộng, vườn, ao, bể nuôi...		ha		
1					
...					
III	Máy móc, thiết bị (tên, ký hiệu, mẫu mã, công suất...)		Chiếc		
1					
...					

III. Về số lượng, chủng loại nguồn gen hiện đang được bảo tồn/khai thác:

STT	Đối tượng nguồn gen	Nguồn gốc xuất xứ *(bản địa, nhập nội)*	Số lượng	Phương pháp bảo tồn *(tại chỗ, chuyển chỗ,...)*	Địa điểm bảo tồn	Hiện trạng *(bảo tồn/ khai thác)*
1						
....						

IV. Về hoạt động KH&CN liên quan đến lĩnh vực quỹ gen:

1. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì thực hiện từ 2001 đến nay:

STT	Tên nhiệm vụ	Năm thực hiện	Tên chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
1					
.....					

2. Các nhiệm vụ KH&CN đã tham gia thực hiện từ 2001 đến nay:

STT	Tên nhiệm vụ	Năm thực hiện	Tên cá nhân chủ trì *(đề tài nhánh)*	Tên tổ chức chủ trì	Kinh phí thực hiện *(đề tài nhánh)*
1					
...					

V. Về năng lực Hợp tác quốc tế:

STT	Hình thức hợp tác	Tên tổ chức/ nước hợp tác	Thời gian	Nội dung đã hợp tác
1				
...				

VI. Về nguồn vốn bằng tiền: ***(Nguồn vốn hiện có và khả năng huy động vốn tham gia thực hiện nhiệm vụ quỹ gen)***

Số TT	Loại vốn	Đơn vị tính	Tổng số	Nguồn				
				Trong nước			Nước ngoài	
				Nhà nước	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Vốn hiện có							
1								
...								
II	Khả năng huy động vốn							
1								
...								
	Tổng số:							

VII. Tự đánh giá về năng lực của tổ chức đăng ký: *(Tổ chức tự đánh giá về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ sở nguồn gen, hoạt động KH&CN, khả năng hợp tác quốc tế, nguồn vốn và khả năng tham gia nhiệm vụ quỹ gen)*

....., ngày... tháng... năm 20...

Thủ trưởng tổ chức đăng ký

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2
MẪU ĐỀ ÁN KHUNG VÀ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN CẤP QUỐC GIA[1]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp bộ/cấp tỉnh thực hiện trong kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn 20.. - 20..: Biểu A3-ĐABT-NVQG;

2. Mẫu Đề xuất danh mục các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen đề nghị thực hiện ở cấp quốc gia trong giai đoạn 5 năm 20.. - 20..: Biểu A4-ĐXDM-NVQG.

[1] Cụm từ "Cấp nhà nước" tại Phụ lục này được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Biểu A3-ĐABT-NVQG

Bộ, ngành... *(ghi rõ tên bộ, ngành)*
hoặc UBND Tỉnh, Thành phố...

ĐỀ ÁN KHUNG CÁC NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN CẤP BỘ/CẤP TỈNH THỰC HIỆN TRONG KỲ KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 20.. - 20..

(Kèm theo Công văn số:..../.... ngày... tháng... năm 20...
của Bộ, Ngành/UBND tỉnh, thành phố...)

Tên đề án:

I. Nhu cầu về nguồn gen và tính cấp thiết:

II. Mục tiêu:
- Mục tiêu tổng quát:
- Mục tiêu cụ thể:

III. Nội dung cần giải quyết:

IV. Dự kiến kết quả:

V. Dự kiến kinh phí thực hiện (cho 5 năm):
Tổng số:
Trong đó: - Kinh phí từ ngân sách nhà nước:
- Kinh phí khác:

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN CẤP BỘ/CẤP TỈNH THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 20... - 20...

STT	Tên nhiệm vụ	Tên tổ chức dự kiến chủ trì	Đối tượng và số lượng nguồn gen bảo tồn	Dự kiến kinh phí (NSNN)	Ghi chú
1					
2					
3					
...					

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Biểu A4-ĐXDM-NVQG

Bộ, ngành... *(ghi rõ tên bộ, ngành)*
hoặc UBND Tỉnh, Thành phố...

ĐỀ XUẤT DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN Ở CẤP QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 20.. - 20..

STT	Tên nhiệm vụ	Tên tổ chức dự kiến chủ trì	Đối tượng và số lượng nguồn gen bảo tồn	Dự kiến kinh phí (NSNN)	Ghi chú
1					
2					
3					
....					

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3
MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN GEN[1]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Phiếu đề xuất nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp quốc gia/cấp bộ/cấp tỉnh năm 20..: Biểu A5-PĐX-NVQG.

[1] Cụm từ "Cấp nhà nước" tại Phụ lục này được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Biểu A5-PĐX-NVQG

PHIẾU ĐỀ XUẤT[2]
NHIỆM VỤ KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN GEN
CẤP QUỐC GIA/CẤP BỘ/CẤP TỈNH NĂM 20...

1. Tên tổ chức đề xuất: *(ghi tên đầy đủ của tổ chức)*

2. Cơ quan chủ quản: *(Bộ, ngành, UBND tỉnh, Thành phố trực thuộc TW)*

3. Tên nhiệm vụ: *(Nêu tên nhiệm vụ)*

4. Xuất xứ của nhiệm vụ: *(ghi rõ nguồn hình thành nhiệm vụ, nếu là kết quả của nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen thì ghi kiến nghị của Hội đồng đánh giá nghiệm thu về định hướng khai thác và phát triển nguồn gen...)*

5. Giải trình về tính cấp thiết: *(tại sao phải thực hiện nhiệm vụ; nhu cầu của nguồn gen; vai trò và giá trị của nguồn gen; mức độ quan trọng, tính cấp bách của nhiệm vụ tác động đến phát triển KH&CN, phát triển sản xuất của các ngành, lĩnh vực...)*

6. Mục tiêu: *(ghi rõ mục tiêu của nhiệm vụ, đích cần đạt được)*

7. Nội dung chủ yếu cần giải quyết: *(nêu rõ những nội dung cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra)*

8. Nhu cầu kinh phí:
- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ Ngân sách SNKH: Triệu đồng
- Nguồn kinh phí khác: Triệu đồng

9. Dự kiến sản phẩm và chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

10. Thời gian thực hiện:

11. Khả năng ứng dụng: *(dự kiến địa chỉ ứng dụng, chuyển giao...)*

12. Hiệu quả về khoa học công nghệ và kinh tế - xã hội:

....., ngày..... tháng..... năm 20...
Thủ trưởng tổ chức đề xuất
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

[2] *Phiếu đề xuất nhiệm vụ cấp quốc gia gửi về Bộ KH&CN, nhiệm vụ cấp bộ/cấp tỉnh gửi về cơ quan quản lý KH&CN của Bộ ngành/UBND cấp tỉnh.*

PHỤ LỤC 4
MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỸ GEN[1]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen: Biểu A6-CTTH-NVQG;

2. Mẫu Thuyết minh nhiệm vụ quỹ gen:

- Thuyết minh nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen: Biểu A7a-TMBT-NVQG;

- Thuyết minh nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen: Biểu A7b-TMKT-NVQG;

- Thuyết minh nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen: Biểu A7c-TMĐG-NVQG;

3. Mẫu Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen: Biểu A8-HĐKH-NVQG;

4. Mẫu Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ quỹ gen: Biểu A9-LLKH-NVQG;

5. Mẫu Bản xác nhận phối hợp tham gia của các tổ chức, cá nhân: Biểu A10-PHTH-NVQG.

[1] Cụm từ "Cấp nhà nước" tại Phụ lục này được thay thế bởi cụm từ "Cấp quốc gia" theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2014/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Biểu A6-CTTH-NVQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ[2]
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỸ GEN

Kính gửi:.....

Căn cứ thông báo của..... về Danh mục các nhiệm vụ quỹ gen dự kiến tuyển chọn, xét chọn để thực hiện năm 20...

Chúng tôi:

1. Tên tổ chức đăng ký: *(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký làm cơ quan chủ trì)*

.....

2. Tên cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm: *(ghi họ tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm)*

.....

xin đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen: *(ghi tên nhiệm vụ theo Danh mục công bố tuyển chọn, xét chọn)*

"....."

thuộc loại hình nhiệm vụ *(ghi 1 trong 3 loại hình nhiệm vụ: Bảo tồn nguồn gen, Khai thác và phát triển nguồn gen, Đánh giá di truyền nguồn gen)*:.....

Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen gồm:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen theo Biểu A6-CTTH-NVQG;

2. Thuyết minh nhiệm vụ quỹ gen theo Biểu A7a-TMBT-NVQG/Biểu A7b-TMKT-NVQG/Biểu A7c-TMĐG-NVQG *(chỉ sử dụng 1 trong 3 mẫu thuyết minh phù hợp với loại hình nhiệm vụ đăng ký)*;

3. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen theo Biểu A8-HĐKH-NVQG;

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ quỹ gen theo Biểu A9-LLKH-NVQG;

5. Đăng ký hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp *(nếu cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)*;

6. Bản xác nhận phối hợp tham gia của các tổ chức, cá nhân *(nếu có)* theo Biểu A10-PHTH-NVQG.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày... tháng... năm 20...

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm	**Thủ trưởng tổ chức đăng ký chủ trì**
(Họ tên và chữ ký)	*(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)*

[2] *Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.*

Biểu A7a-TMBT-NVQG

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN

I. THÔNG TIN CHUNG

<table>
<tr><td colspan="2">1 Tên nhiệm vụ:</td><td colspan="2">2 Mã số:</td></tr>
<tr><td colspan="2">3 Thời gian thực hiện: 5 năm
(Từ tháng /20... đến tháng /20...</td><td colspan="2">4 Cấp quản lý
Nhà nước ☐
Bộ/Tỉnh ☐</td></tr>
<tr><td colspan="4">5 Kinh phí...... triệu đồng, trong đó:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nguồn</td><td colspan="2">Tổng số</td></tr>
<tr><td colspan="2">- Từ Ngân sách SNKH</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">- Từ nguồn khác</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="4">6 Loại hình nhiệm vụ: Nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen

Thuộc đề án:..... (ghi tên đề án khung),
Do.....(Bộ ngành/UBND cấp tỉnh) trực tiếp quản lý.
hoặc Thuộc nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia,
Do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.</td></tr>
<tr><td colspan="4">7 Lĩnh vực:</td></tr>
<tr><td colspan="2">☐ Nông nghiệp
☐ Công nghiệp
☐ Y tế</td><td colspan="2">☐ Khoa học
☐ Môi trường
☐ An ninh, quốc phòng</td></tr>
</table>

8	**Chủ nhiệm:**
	Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:..... Học hàm, học vị:..... Chức danh khoa học:..... Chức vụ..... Điện thoại: Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail:..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:..... Địa chỉ nhà riêng:.....
9	**Thư ký:**
	Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:..... Học hàm, học vị:..... Chức danh khoa học:..... Chức vụ:..... Điện thoại:..... Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail:..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:..... Địa chỉ nhà riêng:.....
10	**Tổ chức chủ trì:**
	Tên tổ chức chủ trì:..... Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:..... Website:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..... Số tài khoản:..... Ngân hàng:..... Tên cơ quan chủ quản:.....

11 **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện** *(nếu có)*

1. **Tổ chức 1:**.....

Tên cơ quan chủ quản.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:.....

Ngân hàng:.....

2. **Tổ chức 2:**.....

Tên cơ quan chủ quản.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:.....

Ngân hàng:.....

12 **Các cán bộ thực hiện**

(Ghi những người thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm)

	Họ và tên, học hàm học vị	**Đơn vị công tác**	**Nội dung tham gia**	**Thời gian tham gia thực hiện** (Số tháng quy đổi[3])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

[3] *Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng*

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

13 Mục tiêu *(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)*

Mục tiêu lâu dài.....
.....
.....
Mục tiêu cụ thể.....
.....
.....

14 Tình trạng nhiệm vụ

☐ Mới
☐ Kế tiếp nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen của chính tổ chức chủ trì
☐ Kế tiếp nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen của tổ chức khác

15 Tổng quan tình hình bảo tồn nguồn gen, luận giải về mục tiêu và những nội dung chủ yếu của nhiệm vụ:

15.1. Đối tượng nguồn gen:

☐ Thuộc đối tượng nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu của Việt Nam đang bị suy giảm hoặc có nguy cơ mất đi;

☐ Thuộc đối tượng nguồn gen có giá trị kinh tế - xã hội, y học, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường đã được đánh giá các chỉ tiêu sinh học;

☐ Thuộc đối tượng nguồn gen cần cho công tác tạo giống, lai tạo giống, nghiên cứu khoa học và đào tạo;

☐ Thuộc đối tượng nguồn gen có nguồn gốc từ nước ngoài đã thích nghi và phát triển ổn định ở điều kiện Việt Nam và có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất.

15.2. Hiện trạng bảo tồn nguồn gen liên quan đến nhiệm vụ:

Biểu 1: Danh sách các nguồn gen

TT	Đối tượng	Nguồn gốc	Số lượng	Phương pháp bảo tồn	Thời gian bắt đầu bảo tồn

Biểu 2: Tình trạng đánh giá nguồn gen

TT	Đối tượng	Tình trạng đánh giá nguồn gen			
		Đánh giá ban đầu	Đánh giá chi tiết	Đánh giá các đặc điểm di truyền	Phân loại cấp độ đe dọa (*Theo tiêu chuẩn IUCN/FAO*)

Biểu 3: Tổ chức và địa điểm lưu giữ kết quả bảo tồn nguồn gen

TT	Đối tượng, kết quả	Tổ chức lưu giữ	Địa điểm lưu giữ	Ghi chú

Biểu 4: Tình hình kinh phí thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ	Tổ chức chủ trì	Năm thực hiện	Kinh phí thực hiện		
				NSNN	Tự có	Nguồn khác

15.3. Đánh giá tổng quan tình hình bảo tồn nguồn gen

Ngoài nước *(Phân tích đánh giá tổng quan những công trình và những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ có liên quan đến các nguồn gen của nhiệm vụ)*

Trong nước *(Phân tích, đánh giá tình hình bảo tồn các nguồn gen của nhiệm vụ, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến các đối tượng nguồn gen mà các nhiệm vụ trước kia đã thực hiện. Nếu cùng một đối tượng nguồn gen đang được tiến hành bảo tồn ở cấp khác, nơi khác thì cần cung cấp đủ các thông tin, nội dung, kỹ thuật liên quan đến nhiệm vụ này)*

15.4. Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần thực hiện

(Trên cơ sở hiện trạng, phân tích đánh giá tổng quan tình hình trong và ngoài nước, luận giải về nhu cầu, tính cấp thiết, khả thi của việc bảo tồn các nguồn gen của nhiệm vụ, từ đó cụ thể hóa mục tiêu và những nội dung cần thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra)

16 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đối tượng nguồn gen đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết để thực hiện nhiệm vụ)

1.....

2.....

3.....

17	**Nội dung* và phương án thực hiện** *(Liệt kê các công việc chính cần thực hiện và phương án thực hiện)*

Nội dung 1.....
.....

Nội dung 2.....
.....

Nội dung 3.....
.....

Nội dung 4.....
.....

Nội dung 5.....
.....

) Các nội dung chính quy định trong **Thông tư số 18/2010/TT-BKHCN:*

a) Lưu giữ, bảo quản các nguồn gen quý, hiếm hiện có;

b) Điều tra, khảo sát và thu thập bổ sung nguồn gen;

c) Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phục tráng các nguồn gen cây trồng, thuần chủng các nguồn gen vật nuôi, chuẩn hóa các chủng vi sinh, nấm, tảo;

d) Nghiên cứu xây dựng, phát triển các khu vực nuôi trồng chuyên canh các loài cây, con quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng hoặc quan trọng phục vụ kinh tế - xã hội, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

đ) Đánh giá sơ bộ, đánh giá chi tiết nguồn gen theo các chỉ tiêu sinh học phù hợp với từng đối tượng;

e) Tư liệu hóa nguồn gen dưới các hình thức: phiếu điều tra, phiếu mô tả, phiếu đánh giá, tiêu bản, hình vẽ, bản đồ phân bố, ảnh, ấn phẩm thông tin, cơ sở dữ liệu (dưới dạng văn bản hoặc số hóa);

g) Bảo tồn an toàn nguồn gen theo đặc điểm sinh học của từng đối tượng (bảo tồn tại chỗ, bảo tồn chuyển chỗ) và đánh giá kết quả bảo tồn;

h) Giới thiệu, cung cấp, trao đổi nguồn gen và các thông tin liên quan cho tổ chức, cá nhân trong nước và đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

18 Các phương pháp, kỹ thuật sử dụng

(Liệt kê các phương pháp, kỹ thuật sẽ sử dụng để bảo tồn các đối tượng nguồn gen của nhiệm vụ)

TT	Đối tượng	Số lượng	Phương pháp, kỹ thuật sử dụng	Hình thức lưu giữ
1				
2				
..				

19 Phương án phối hợp với các tổ chức bảo tồn và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện và nội dung công việc tham gia, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng nguồn gen; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có, hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro...)

20 Phương án hợp tác quốc tế *(nếu có)*

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác)

21	**Tiến độ thực hiện**				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** (bắt đầu, kết thúc)	**Cá nhân, tổ chức thực hiện**	**Dự kiến kinh phí**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	**Nội dung 1:**				
1.1	Công việc 1				
1.2	Công việc 2				
1.3	.....				
2	**Nội dung 2:**				
2.1	Công việc 1				
2.2	Công việc 2				
2.3	.....				

III. SẢN PHẨM

22	**Sản phẩm chính và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)*

Dạng I: Vật liệu di truyền; Giống (cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật, nấm, tảo); Sản phẩm *(có thể thương mại hóa)*.

Số TT	**Tên sản phẩm chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm**	**Đơn vị đo**	**Mức chất lượng**			**Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra**
			Cần đạt	**Mẫu tương tự** *(theo các tiêu chuẩn mới nhất)*		
				Tiêu chuẩn trong nước	**Tiêu chuẩn nước ngoài**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

Dạng II: Bộ tư liệu về nguồn gen; Phương pháp bảo tồn, lưu giữ; Tiêu chuẩn; Quy trình kỹ thuật (phục tráng, thuần chủng, chuẩn hóa); Báo cáo phân tích; Báo cáo kết quả đánh giá chi tiết nguồn gen và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo; Các sản phẩm khác.

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố *(Tạp chí, Nhà xuất bản)*	Ghi chú

22.1 Mức chất lượng các sản phẩm Dạng I *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm tạo ra)*

.....

.....

22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm Dạng II và Dạng III *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm tạo ra)*

.....

.....

22.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

Số TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký văn bằng bảo hộ
(quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống,...)

1).....

2).....

3).....

23 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả

23.1. Khả năng về thị trường *(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*

.....

.....

.....

23.2. Khả năng khai thác và phát triển nguồn gen *(Nêu rõ phương án nhân rộng, chuyển giao cho sản xuất; khả năng tạo ra các sản phẩm thương mại, khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*

.....

.....

.....

23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện

.....

.....

.....

24 Phạm vi và địa chỉ *(dự kiến)* **ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ**

.....

.....

.....

25 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả thực hiện nhiệm vụ

25.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....

.....

.....

25.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả

.....

.....

.....

25.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, đảm bảo an ninh, quốc phòng...)

.....

.....

.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	**Kinh phí thực hiện phân theo các khoản chi**						
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Trong đó**				
			Trả công lao động *(khoa học, phổ thông)*	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	**Thiết bị, máy móc**	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**	**Chi khác**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Tổng kinh phí						
	Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH:						
	- Năm thứ nhất*:						
	- Năm thứ hai*:						
	- Năm thứ ba*:						
	- Năm thứ tư*:						
	- Năm thứ năm*:						
2	Nguồn khác *(tự có, vốn huy động,...)*						

(*): chỉ dự toán khi Nhiệm vụ đã được phê duyệt

Ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ nhiệm
(Họ tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ tài khoản[4]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20....
Tổ chức chủ trì
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20....
Cơ quan quản lý[5]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[4,5] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi nhiệm vụ được phê duyệt.*

[5] *Cơ quan quản lý là Bộ KH&CN đối với nhiệm vụ cấp quốc gia, Bộ ngành/UBND cấp tỉnh đối với nhiệm vụ cấp bộ/cấp tỉnh.*

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách SNKH												Nguồn khác
			Tổng số	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ tư*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ năm*	*Trong đó, khoán chi**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	**Trả công lao động** *(khoa học, phổ thông)*														
2	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**														
3	**Thiết bị, máy móc**														
4	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**														
5	**Chi khác**														
	Tổng cộng:														

** Chỉ dự toán khi nhiệm vụ được phê duyệt, chế độ khoán chi theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ KH&CN.*

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động *(khoa học, phổ thông)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách SNKH												Nguồn khác
			Tổng số	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi *	Năm thứ tư*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ năm*	*Trong đó, khoán chi**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I	Trả công lao động khoa học														
1															
2															
…															
II	Trả công lao động phổ thông														
1															
2															
…															
	Tổng cộng:														

** Chỉ dự toán khi nhiệm vụ được phê duyệt, chế độ khoán chi theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ KH&CN.*

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
						Ngân sách SNKH						Nguồn khác
						Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*	Năm thứ tư*	Năm thứ năm*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	Nguyên, vật liệu											
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng											
3	Năng lượng, nhiên liệu											
	- Than											
	- Điện	kWh										
	- Xăng, dầu											
	- Nhiên liệu khác											
4	Nước	m^3										

TT	Nội dung chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
						Ngân sách SNKH						Nguồn khác
						Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*	Năm thứ tư*	Năm thứ năm*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
5	Mua sách, tài liệu, số liệu											
	Cộng:											

** Chỉ dự toán khi nhiệm vụ được phê duyệt, chế độ khoán chi theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ KH&CN.*

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
						Ngân sách SNKH						Nguồn khác
						Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*	Năm thứ tư*	Năm thứ năm*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Thiết bị hiện có tham gia thực hiện** *(chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)*											

TT	Nội dung chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
						Ngân sách SNKH						Nguồn khác
						Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*	Năm thứ tư*	Năm thứ năm*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
II	**Thiết bị mua mới**											
1	Mua thiết bị, công nghệ											
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
III	**Khấu hao thiết bị** *(chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)*											
IV	**Thuê thiết bị** *(ghi tên thiết bị, thời gian thuê)*											
V	**Vận chuyển lắp đặt**											
	Cộng:											

** Chỉ dự toán khi nhiệm vụ được phê duyệt, chế độ khoán chi theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ KH&CN.*

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn						
			Ngân sách SNKH						Nguồn khác
			Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*	Năm thứ tư*	Năm thứ năm*	
1	Chi phí xây dựng..... m^2 nhà xưởng, PTN								
2	Chi phí sửa chữa..... m^2 nhà xưởng, PTN								
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước								
4	Chi phí khác								
	Cộng:								

** Chỉ dự toán khi nhiệm vụ được phê duyệt, chế độ khoán chi theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ KH&CN.*

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách SNKH												Nguồn khác
			Tổng số	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ tư*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ năm*	*Trong đó, khoán chi**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	**Công tác trong nước** *(địa điểm, thời gian, số lượt người)*														
2	**Hợp tác quốc tế**														
a	Đoàn ra *(nước đến, số người, số ngày, số lần,...)*														
b	Đoàn vào *(số người, số ngày, số lần...)*														
3	**Kinh phí quản lý** *(của tổ chức chủ trì)*														
4	**Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp**														
	- Chi phí kiểm tra nội bộ														

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách SNKH												Nguồn khác
			Tổng số	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ tư*	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ năm*	*Trong đó, khoán chi**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	- Chi nghiệm thu trung gian														
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ														
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý														
5	**Chi khác**														
	- Hội thảo														
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm														
	- Dịch tài liệu														
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ														
	- Khác														
6	**Phụ cấp chủ nhiệm**														
	Cộng:														

** Chỉ dự toán khi nhiệm vụ được phê duyệt, chế độ khoán chi theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ KH&CN.*

(Xem tiếp Công báo số 985 + 986)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng